

Số: 1867/QĐ-EVNNPT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

Căn cứ Luật Điện lực, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các thông tư hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 11/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh;

*Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐTV ngày 25/4/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) về việc ban hành Quy chế phân cấp;*

*Căn cứ các Quyết định số 145/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 và số 233/QĐ-HĐTV ngày 10/8/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế phân cấp trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;*

*Căn cứ Văn bản số 25/UBND-CN ngày 27/2/2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang về việc thỏa thuận vị trí xây dựng Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối, đường dây trung thế 22 kV cấp điện tự dùng;*

*Căn cứ Văn bản số 569/BTL-TaC ngày 20/3/2019 của Bộ Tư lệnh Quân khu 1 về việc chấp thuận vị trí đặt Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối (về bom mìn vật nổ sau chiến tranh);*

*Căn cứ Văn bản số 3438/CSPCCC&CNCH ngày 16/9/2019 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang góp ý hồ sơ PCCC của Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 5156/EVNNPC-KH ngày 20/9/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) về việc đầu tư các ngăn lộ 110 kV sau Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 717/PCBG-KT ngày 07/2/2024 của Công ty Điện lực Bắc Giang về việc chủ trương cấp điện tự dùng cho dự án TBA 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 03/2024/DDA-ĐT ngày 01/3/2024 của Liên danh Công ty cổ phần đầu tư Đại Đông Á – Công ty cổ phần TM&ĐT Rồng Việt về việc thống nhất điểm đấu nối giữa đường vào TBA 220 kV Lạng Giang và đường thuộc dự án Khu số 2 thuộc Khu đô thị Phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên;*

*Căn cứ Văn bản số 94/UBND-KTHT ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến 220 kV dự án TBA 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 72/TC-QC ngày 18/3/2024 của Cục Tác chiến về việc thỏa thuận độ cao tĩnh không đường dây 220 kV đấu nối dự án TBA 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 1008/BALĐ-KT ngày 10/4/2024 của Ban Quản lý dự án lưới điện – EVNNPC về việc tiến độ thực hiện đầu tư dự án xuất tuyến 110 kV sau Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-STC ngày 18/6/2025 của Sở Tài Chính tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 573/ĐL-KH&QH ngày 09/5/2025 của Cục Điện lực về việc chuẩn xác qui mô dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 1411/ĐL-KH&QH ngày 31/7/2025 của Cục Điện lực về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (BCNCKT ĐTXD) dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Văn bản số 1964/VNL-TT1 ngày 28/8/2025 của Viện Năng Lượng (IE) về việc báo cáo kết quả thẩm tra BCNCKT ĐTX) dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;*

*Căn cứ Tờ trình số 7528/TTr-NPMB ngày 29/8/2025 của Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc (NPMB) về việc thẩm định BCNCKT ĐTXD dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối, kèm theo hồ sơ dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 (PECC3) lập và hiệu chỉnh tháng 8/2025;*

*Theo đề nghị của NPMB tại Tờ trình số 7528/TTr-NPMB ngày 29/8/2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối.
2. Mã số thông tin công trình: chưa có.
3. Địa điểm xây dựng

- Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang dự kiến xây dựng trên địa phận thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (hiện nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập).

- Đường dây 220 kV Lạng Giang rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên đi trên địa bàn Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (hiện nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập).

Dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối đã được UBND tỉnh Bắc Giang (cũ) chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 và Quyết định điều chỉnh số 225/QĐ-STC ngày 18/6/2025 của Sở Tài chính, tỉnh Bắc Giang (cũ).

4. Người quyết định đầu tư: Tổng Giám đốc EVNNPT.

5. Chủ đầu tư: EVNNPT.

6. Tổ chức tư vấn lập khảo sát xây dựng và BCNCKT ĐTXD: PECC3.

7. Loại, nhóm dự án và cấp công trình: công trình năng lượng, cấp I, nhóm B.

8. Mục tiêu dự án

- Đáp ứng nhu cầu phụ tải của tỉnh Bắc Ninh.

- Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, chống quá tải cho các trạm biến áp 220 kV và lưới điện 110 kV.

- Giảm tổn thất công suất trong lưới truyền tải, do đó tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của EVN, EVNNPT.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

9.1. Quy mô đầu tư

9.1.1. Phần Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang

Xây dựng Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang có quy mô

- Máy biến áp (MBA): gồm 02 MBA 220 kV-250 MVA; giai đoạn này lắp đặt 01 MBA AT1 (250 MVA) và dự phòng vị trí lắp đặt MBA AT2.

- Phía 220 kV: quy mô gồm 08 ngăn; giai đoạn này lắp đặt thiết bị cho 03 ngăn; dự phòng vị trí để lắp đặt 05 ngăn.

- Phía 110 kV: quy mô gồm 19 ngăn; giai đoạn này lắp đặt thiết bị cho 06 ngăn; dự phòng vị trí để lắp đặt 13 ngăn.

- Phía 22 kV: thiết bị ngoài trời bố trí theo sơ đồ khối phía 22 kV của MBA 220/110/22 kV cấp điện cho tự dùng.

- Hệ thống điều khiển, bảo vệ và đo lường, thông tin liên lạc và SCADA: được trang bị phù hợp quy định của EVN, EVNNPT, tuân thủ Quy phạm trang bị điện và các quy định hiện hành.

9.1.2. Phần đường dây đấu nối

- Phần đường dây 220 kV: xây mới đường dây 220 kV, 02 mạch, chiều dài khoảng 0,87 km từ TBA 220 kV Lạng Giang đấu nối vào Đường dây 220 kV Bắc Giang - Thái Nguyên (hiện hữu).

- Phần đường dây 22 kV: xây dựng mới đường dây 22 kV, 01 mạch, dài khoảng 0,1 km đấu nối với lưới điện địa phương cấp điện tự dùng cho TBA 220 kV Lạng Giang.

9.2. Thiết kế cơ sở

9.2.1. Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang

a) Sơ đồ nối điện và mặt bằng bố trí thiết bị

(Bản vẽ Sơ đồ nối điện chính số 418037C-NT-Đ1-01; Mặt bằng bố trí thiết bị số 418037C-NT-Đ1-02 và các bản vẽ liên quan do PECC3 lập).

- MBA: lắp đặt 02 MBA 220 kV-250 MVA; giai đoạn này lắp đặt 01 MBA AT1 (250 MVA) và dự phòng vị trí lắp đặt MBA AT2.

- Phía 220 kV: sử dụng sơ đồ hai hệ thống thanh cái và thanh cái vòng, giai đoạn này lắp đặt 03 ngăn lộ (bao gồm 01 ngăn MBA, 01 ngăn đường dây đi TBA 220 kV Bắc Giang và 01 ngăn đường dây đi TBA 220 kV Thái Nguyên) theo sơ đồ tam giác; dự phòng đất và vị trí để xây dựng 05 ngăn lộ trong tương lai và hoàn thiện sơ đồ hai hệ thống thanh cái và thanh cái vòng.

- Phía 110 kV: sử dụng sơ đồ hai hệ thống thanh cái và thanh cái vòng, giai đoạn này lắp đặt 06 ngăn lộ (bao gồm 01 ngăn tổng 110 kV MBA, 01 ngăn liên lạc và 04 ngăn đường dây) theo sơ đồ hai thanh cái có máy cắt liên lạc; dự phòng đất và vị trí để xây dựng 13 ngăn lộ trong tương lai và hoàn thiện sơ đồ hai thanh cái và thanh cái vòng.

- Phía 22 kV: thiết bị ngoài trời bố trí theo sơ đồ khối lấy nguồn từ phía 22 kV MBA AT1 và đấu nối với lưới điện địa phương để cấp điện tự dùng.

- Mặt bằng bố trí thiết bị tuân thủ theo Quy phạm trang bị điện hiện hành.

#### b) Thông số thiết bị chính

Yêu cầu về thông số kỹ thuật của thiết bị dưới đây được áp dụng cho các thiết bị mua sắm mới. Đối với các thiết bị từ nguồn dự phòng có thể điều động cho dự án sẽ được xem xét lựa chọn đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đảm bảo vận hành ổn định, lâu dài tại trạm.

Các thông số và yêu cầu kỹ thuật tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC và các quy định hiện hành của EVN, EVNNPT. Các thiết bị chính:

##### a.1) Máy biến áp

- MBA 220/110/22 kV - 250 MVA (AT1): loại tự ngẫu 03 pha, kiểu ngâm trong dầu, đặt ngoài trời; công suất 250/250/50 MVA.

- MBA tự dùng: loại 03 pha 02 cuộn dây, đặt ngoài trời; công suất 250 kVA, điện áp  $22 \pm 2 \times 2,5\% / 0,4$  kV.

##### a.2) Thiết bị phân phối 220 kV

- Máy cắt: loại ngoài trời, 01 pha, cách điện SF6; 50 kA/1s; 2000 A.

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 01 pha và 03 pha; tiếp đất hai phía, một phía và không tiếp đất; 50 kA/1s; 2000 A.

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 01 pha; 50 kA/1s.

- Biến điện áp: loại ngoài trời, 01 pha, kiểu tụ.

- Chống sét van: loại ngoài trời, 01 pha, ZnO.

- Cách điện đứng: loại ngoài trời, 01 pha.

- Cách điện treo: loại thủy tinh hoặc gốm.

- Phụ kiện chuỗi cách điện, thanh cái và dây dẫn.

##### a.3) Thiết bị phân phối 110 kV

- Máy cắt: loại ngoài trời, 03 pha, cách điện SF6; 40 kA/1s; 2000 A (ngăn liên lạc, ngăn lộ tổng MBA) và 1250 A (các ngăn đường dây).

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 01 pha và 03 pha; tiếp đất hai phía, một phía và không tiếp đất; 40 kA/1s; 2000 A (ngăn lộ tổng MBA, ngăn liên lạc), 1250 A (các ngăn đường dây).

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 01 pha; 40 kA/1s.
- Biến điện áp: loại ngoài trời, 01 pha, kiểu tụ.
- Chống sét van: loại ngoài trời, 01 pha, ZnO.
- Cách điện đứng: loại ngoài trời, 01 pha.
- Cách điện treo: loại thủy tinh hoặc gốm.
- Phụ kiện chuỗi cách điện, thanh cái và dây dẫn.

#### a.4) Thiết bị phân phối 22 kV

- Máy cắt: loại ngoài trời, 03 pha, cách điện SF6 hoặc chân không; 25 kA/1s; 630 A.
- Dao cách ly: loại ngoài trời, 03 pha; tiếp đất hai phía; 25 kA/1s; 630 A.
- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 01 pha; 25 kA/1s.
- Biến điện áp: loại ngoài trời, 01 pha;
- Chống sét van: loại ngoài trời, 01 pha, ZnO.
- Dây dẫn.

#### c) Hệ thống điều khiển bảo vệ, đo lường, đo đếm

##### c.1) Hệ thống điều khiển

Trang bị hệ thống điều khiển tích hợp bằng máy tính phù hợp với quy mô của dự án, có cấu hình và đặc tính kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành của EVN và EVNNPT.

##### c.2) Hệ thống rơ le bảo vệ

- Sử dụng rơ le kỹ thuật số có độ nhạy cao, tác động nhanh, có khả năng giao tiếp với máy tính và kết nối với hệ thống SCADA/EMS, hệ thống thông tin vận hành.

- MBA AT1, ngăn lộ tổng 220 kV, 110 kV và 22 kV, ngăn 220 kV (ngăn đường dây), ngăn 110 kV (ngăn đường dây, ngăn liên lạc) và các phần tử khác trong trạm được trang bị các loại rơ le bảo vệ theo Quy định về cấu hình hệ thống bảo vệ, quy cách kỹ thuật rơ le bảo vệ đường dây và TBA 500 kV, 220 kV, 110 kV của EVN.

##### c.3) Hệ thống đo lường, đo đếm.

- Trang bị hệ thống đo lường, đo đếm theo quy định hiện hành.  
- Đặc tính kỹ thuật của thiết bị tuân thủ theo quy định hiện hành của EVN và EVNNPT.

#### d) Giải pháp xây dựng chính

(Bản vẽ Tổng mặt bằng số 418037C-NT-XD-01, bản vẽ Mặt bằng san nền số 418037C-NT-XD-02 và các bản vẽ liên quan do PECC3 lập).

- Giải pháp thiết kế các hạng mục xây dựng tuân thủ theo quy định hiện hành của EVN và EVNNPT.

- San nền: cốt cốt san nền thiết kế nền trạm +10,2 m, hệ số đầm nén  $k \geq 0,9$ .
- Xây dựng các Nhà chức năng (Nhà điều khiển trung tâm (2 tầng, có tầng lửng đi cáp), Nhà thường trực, Nhà trạm bơm, Nhà nghỉ ca...) và hạ tầng xây dựng phục vụ quản lý vận hành.

e) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy (PCCC)

- Trang bị hệ thống thiết bị, phương tiện PCCC theo các quy định hiện hành và Quy chế PCCC trong EVN.

f) Giải pháp kỹ thuật khác

f.1) Nguồn điện tự dùng, nối đất, chống sét, chiếu sáng, điều hòa, thông gió và camera giám sát

- Các yêu cầu kỹ thuật tuân thủ Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp 110 kV-500 kV của EVN.

- Trang bị hệ thống nguồn điện tự dùng, nối đất, chống sét, chiếu sáng, điều hòa, thông gió và camera giám sát theo quy định hiện hành, đảm bảo điều kiện quản lý vận hành cho trạm.

- Trang bị hệ thống điện mặt trời cho tự dùng trạm.

f.2) Hệ thống SCADA

Thực hiện giải pháp cho hệ thống SCADA theo các quy định hiện hành đảm bảo kết nối Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang với các Trung tâm điều độ.

f.3) Hệ thống thông tin liên lạc

(Bản vẽ Sơ đồ tổ chức hệ thống thông tin liên lạc số 418037C-NT-TT-03 và các bản vẽ liên quan do PECC3 lập)

Các yêu cầu kỹ thuật tuân thủ Quy định hiện hành về đặc tính kỹ thuật cơ bản của thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin trong EVN, EVNNPT và các quy định liên quan.

- Thiết lập kênh thông tin cho role bảo vệ các đường dây 220 kV, phối hợp sẵn sàng cho các đường dây 110 kV.

- Thiết lập kênh truyền tín hiệu điều khiển, quản lý vận hành, SCADA về Trung tâm điều độ HTĐ miền Bắc (NSO) và B01. Sẵn sàng kênh truyền về Trung tâm giám sát vận hành của EVNNPT.

- Cung cấp kênh truyền tín hiệu của hệ thống đo đếm mua bán điện năng của trạm về trung tâm quản lý dữ liệu của EVN, EVNNPT.

- Cung cấp kênh kết nối TBA 220 kV Lạng Giang vào hệ thống mạng WAN hiện có của EVN, EVNNPT để phục vụ nhu cầu giám sát, quản lý của EVNNPT và các công ty truyền tải điện.

- Trang bị giải pháp an ninh, an toàn thông tin theo quy định.

## 9.2.2. Đường dây đầu nối

### a) Đường dây 220 kV đầu nối

Xây dựng mới đoạn đường dây 220 kV, 02 mạch từ điểm đầu nối G1 nằm giữa khoảng cột 54 - 55 của Đường dây 220 kV Bắc Giang - Thái Nguyên (hiện hữu) đến TBA 220 kV Lạng Giang (xây dựng mới).

- Điểm đầu (ĐĐ): Điểm đầu nối G1 nằm giữa khoảng cột 54 - 55 của Đường dây 220kV Bắc Giang - Thái Nguyên (hiện hữu).
- Điểm cuối (ĐC): cột công 220 kV TBA 220 kV Lạng Giang.
- Chiều dài: khoảng 0,87 km.

Thông số và yêu cầu kỹ thuật của vật tư thiết bị tuân thủ theo quy định hiện hành của EVN và EVNNPT. Các thiết bị chính:

- Dây dẫn: sử dụng dây dẫn nhiệt độ cao lõi tổng hợp sợi các bon, tiết diện nhôm đảm bảo khả năng tải tương đương với đường dây 220 kV hiện hữu.
- Dây chống sét, cáp quang: sử dụng 02 dây chống sét kết hợp cáp quang OPGW-70.
- Cách điện: sử dụng cách điện bằng gốm hoặc thủy tinh, tải trọng thiết kế đảm bảo theo quy định, được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC, với tiêu chuẩn đường rò lựa chọn là 20 mm/kV.
- Xây dựng hệ thống cột, móng và nối đất theo quy định hiện hành.

### b) Đường dây 22 kV cấp điện tự dùng

Xây dựng mới đường dây 22 kV, 01 mạch, dài khoảng 0,1 km đầu nối với lưới điện địa phương cấp điện tự dùng cho TBA 220 kV Lạng Giang.

## 10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Quy chuẩn xây dựng: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.
- Tiêu chuẩn: các tiêu chuẩn TCVN, tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN, tiêu chuẩn và quy phạm ngành TCN (Điện, Viễn thông, Xây dựng); tiêu chuẩn quốc tế IEC, ITU, ISO... (hoặc tương đương) và các quy định của EVN, EVNNPT.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: khoảng 311.910.000.000 đồng (*Ba trăm mười một tỷ, chín trăm mười triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : 18.027.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng : 97.506.000.000 đồng
- Chi phí thiết bị : 116.173.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 3.038.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 14.018.000.000 đồng
- Chi phí khác : 20.100.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 43.049.000.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

12. Tiến độ thực hiện dự án: hoàn thành đóng điện năm 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn đầu tư: sử dụng nguồn vốn EVNNPT huy động và vốn tự có EVNNPT phân bổ theo kế hoạch.

- Phương án huy động vốn dự kiến:

+ Vốn vay thương mại: khoảng 70 % giá trị tổng mức đầu tư.

+ Vốn tự có EVNNPT phân bổ theo kế hoạch: khoảng 30 % giá trị tổng mức đầu tư.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án

- EVNNPT làm Chủ đầu tư dự án.

- NPMB đại diện cho Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư, bảo vệ môi trường

Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư, bảo vệ môi trường thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

16. Nội dung khác

- Số bước thiết kế: thiết kế ba bước; bước thiết kế tiếp theo: Thiết kế kỹ thuật và Thiết kế bản vẽ thi công.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**


Giao Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc (NPMB) thực hiện:

- Phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc (NSO), Công ty Truyền tải điện 1 và các đơn vị liên quan trong việc cung cấp thông tin các phần việc liên quan đến công trình đang và chuẩn bị vận hành bảo đảm sự phù hợp và thống nhất của các hệ thống điều khiển, bảo vệ, thông tin liên lạc trang bị theo dự án.

- Trên cơ sở VTTB tồn kho có thể điều động, sử dụng cho dự án, NPMB có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng, tổ hợp, đóng gói, bảo quản phù hợp với gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT, chi phí thực hiện được hạch toán vào dự án. Để tối ưu hiệu quả đầu tư, NPMB thực hiện các thủ tục điều động theo quy định trước khi phê duyệt TKKT, DT làm cơ sở để giảm trừ khối lượng cần mua sắm khi phê duyệt dự toán gói thầu.

- Phối hợp với các đơn vị Tư vấn hoàn thiện hồ sơ dự án theo Quyết định này và gửi hồ sơ sau hoàn thiện (hồ sơ điện tử) đến EVNNPT và Cục ĐL trước ngày 26/9/2025.

- Triển khai các bước tiếp theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án.

**Điều 3.** Giám đốc NPMB, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị liên quan của EVNNPT căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Bắc Ninh (để báo cáo);
- Sở CT, Sở TC tỉnh Bắc Ninh (để báo cáo);
- Cục ĐL (để báo cáo);
- EVN (để báo cáo);
- EVNNPC (để phối hợp);
- HĐTV (để báo cáo);
- Các PTGD;
- PTC1;
- PECC3, IE;
- Các Ban: KH, KTAT, KHCN, QLĐT, TCKT;
- Lưu: VT, ĐTXD.



**Phạm Lê Phú**

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC ĐIỆN LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1411** /ĐL-KH&QH  
V/v thông báo kết quả thẩm định  
BCNCKT ĐTXD dự án Trạm biến  
áp 220 kV Lạng Giang và đường  
dây đầu nối

Hà Nội, ngày **31** tháng **07** năm 2025

Kính gửi: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia

Cục Điện lực (Cục ĐL) - Bộ Công Thương nhận được Tờ trình số 3361/TTr-EVNNPT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (BCNCKT ĐTXD) dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đầu nối kèm theo hồ sơ do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (PECC3) lập tháng 6 năm 2025; Báo cáo kết quả thẩm tra do Viện Năng lượng (IE) lập kèm theo Văn bản số 1338/VNL-TT1 ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Văn bản số 1339/VNL-TT1 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây



dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII điều chỉnh);

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang về việc Quyết định chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-STC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra BCNCKT ĐTXD Dự án kèm theo Văn bản số 1338/VNL-TT1 ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Văn bản số 1339/VNL-TT1 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Viện Năng lượng.

Sau khi xem xét, Cục ĐL thông báo kết quả thẩm định BCNCKT ĐTXD dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án: Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối.
2. Mã số thông tin dự án (theo quy định của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.
3. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Công trình năng lượng cấp I, nhóm B, thời hạn sử dụng 50 năm.
4. Người quyết định đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia.

5. Tên chủ đầu tư và thông tin liên hệ:

- Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia.
- Địa chỉ: số 18 Trần Nguyên Hãn, phường Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
- Điện thoại: 024.2222.6666.

6. Địa điểm xây dựng:

Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối dự kiến xây dựng trên khu vực đất trồng lúa tại địa phận thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh sau sát nhập).

Dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối đã được UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 và được Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 225/QĐ-STC ngày 18 tháng 6 năm 2025.

7. Giá trị Tổng mức đầu tư (TMĐT) xây dựng theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư là khoảng: 371.421.000.000 đồng (*ba trăm bảy mươi một tỷ bốn trăm hai mươi một triệu đồng*); theo Tờ trình số 3361/TTr-EVNNPT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của EVNNPT là 309.054.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ chín tỷ không trăm năm mươi bốn triệu đồng*).

8. Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn do EVNNPT phân bổ theo tiến độ thực hiện dự án trong kế hoạch hàng năm (70% vốn vay thương mại và 30% vốn tự có của EVNNPT).

9. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành đóng điện năm 2027.

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam, và một số tiêu chuẩn của quốc tế.

11. Nhà thầu lập BCNCKT ĐTXD: PECC3.

12. Nhà thầu khảo sát: PECC3.

13. Nhà thầu thẩm tra: Viện Năng lượng.

14. Các thông tin khác: Chủ đầu tư giao Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc (NPMB) quản lý, điều hành thực hiện dự án.

## II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

### 1. Văn bản pháp lý

- Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 điều chỉnh;

- Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quyết định chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;

- Quyết định số 225/QĐ-STC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc Quyết định chấp thuận Điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;

- Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối.

- Văn bản số 72/TC-QC ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Cục Tác chiến về việc thỏa thuận độ cao tỉnh không đường dây 220kV đấu nối dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối;

- Văn bản số 03/2024/DDA-ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Liên danh Công ty cổ phần đầu tư Đại Đông Á – Công ty cổ phần TM&ĐT Rồng Việt về việc thống nhất điểm đấu nối giữa đường vào trạm 220kV Lạng Giang và đường thuộc dự án Khu số 2 thuộc Khu đô thị Phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên;

- Báo cáo kết quả thẩm tra Tổng mức đầu tư kèm theo Văn bản số 1338/VNL-TT1 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Viện Năng lượng.

- Báo cáo kết quả thẩm tra do Viện Năng lượng lập kèm theo Văn bản số 1339/VNL-TT1 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

## **2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra**

Hồ sơ BCNCKT ĐTXD dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối do PECC3 lập tháng 6 năm 2025 gồm:

- Tập 1: Thuyết minh chung
  - + Tập 1-1: Thuyết minh chung.
  - + Tập 1-2: Tổng mức đầu tư.
  - + Tập 1-3: Phương án tổng thể bồi thường, GPMB, tái định cư.
- Tập 2: Thiết kế cơ sở
  - + Tập 2-1: Thuyết minh thiết kế cơ sở.

- + Tập 2-2: Các bản vẽ.
- + Tập 2-3: Phụ lục tính toán.
- Tập 3: Báo cáo khảo sát
  - + Tập 3-1: Báo cáo khảo sát địa hình.
  - + Tập 3-2: Báo cáo khảo sát địa chất.

### **3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:**

#### **3.1 Tư vấn khảo sát, lập hồ sơ BCNCKT: PECC3**

##### **- Năng lực của tổ chức:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với mã số doanh nghiệp 0301475102 (đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18 tháng 01 năm 2024).

+ Chứng chỉ Hoạt động xây dựng về thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp - Hạng I, số BXD-00002346 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 26 tháng 4 năm 2022, có giá trị đến ngày 26 tháng 4 năm 2032.

##### **- Năng lực của các cá nhân tham gia:**

+ Chủ nhiệm khảo sát: Ông Nguyễn Quốc Thắng, Chứng chỉ hành nghề Khảo sát địa hình công trình - Hạng I, số BXD-00002985 do Cục công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022, có giá trị đến ngày 08 tháng 7 năm 2027.

+ Chủ nhiệm lập dự án: Ông Nguyễn Thanh Tùng, Chứng chỉ hành nghề Thiết kế cơ - điện công trình - Hạng I, số BXD-00002999 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022, có giá trị đến ngày 08 tháng 7 năm 2027.

+ Chủ trì thiết kế phần điện: Ông Trương Quốc Thái, Chứng chỉ hành nghề Thiết kế cơ - điện công trình - Hạng I, số BXD-00003044 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022, có giá trị đến ngày 08 tháng 7 năm 2027.

+ Chủ trì thiết kế phần xây dựng: Ông Thiệu Cư, Chứng chỉ hành nghề Thiết kế kết cấu xây dựng - Hạng I, số BXD-00002997 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022, có giá trị đến ngày 08 tháng 7 năm 2027.

+ Chủ trì lập tổng mức đầu tư: Ông Nguyễn Duy Hưng, Chứng chỉ hành nghề Định giá xây dựng - Hạng I, số BXD-00003006 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2022, có giá trị đến ngày 08 tháng 7 năm 2027.

#### **3.2 Tư vấn thẩm tra: Viện Năng lượng**

##### **- Năng lực của tổ chức:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100101227 do

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26 tháng 3 năm 2020 (đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2007).

+ Chứng chỉ Hoạt động xây dựng về thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp công trình - Hạng I, số BXD-00049599 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 09 tháng 8 năm 2022, có giá trị đến ngày 09 tháng 8 năm 2032.

- Năng lực của các cá nhân tham gia:

+ Chủ nhiệm thẩm tra: Ông Nguyễn Trọng Thống, Chứng chỉ hành nghề Thiết kế cơ - điện công trình - Hạng I, số BXD-00130088 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2022, có giá trị đến ngày 21 tháng 1 năm 2027.

+ Chủ trì thẩm tra phân điện: Ông Nguyễn Xuân Hưng, Chứng chỉ hành nghề Thiết kế cơ - điện công trình - Hạng I, số BXD-00130084 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2022, có giá trị đến ngày 21 tháng 1 năm 2027.

+ Chủ trì thẩm tra phân xây dựng: Ông Nguyễn Đức Phương, Chứng chỉ hành nghề Thiết kế xây dựng - Hạng I, số BXD-00130085 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2022, có giá trị đến ngày 21 tháng 01 năm 2027.

+ Chủ trì thẩm tra dự toán: Bà Hoàng Thị Kim Phụng, Chứng chỉ hành nghề Định giá xây dựng - Hạng I, số BXD-00030641 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có giá trị đến ngày 15 tháng 11 năm 2028.

### **III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

#### **1. Quy mô Dự án**

##### **1.1. Phần Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang.**

- Máy biến áp (MBA): quy mô 02 máy biến áp 220 kV-250MVA; giai đoạn này lắp đặt 01 máy biến áp (AT1); dự phòng đất cho lắp đặt máy biến áp AT2.

- Phía 220 kV: quy mô gồm 08 ngăn lộ; giai đoạn này lắp đặt thiết bị cho 03 ngăn lộ; dự phòng đất để lắp đặt 05 ngăn lộ.

- Phía 110 kV: quy mô gồm 19 ngăn lộ; giai đoạn này lắp đặt thiết bị cho 06 ngăn lộ; dự phòng đất để lắp đặt 13 ngăn lộ.

- Phía 22 kV: thiết bị ngoài trời bố trí theo sơ đồ khối phía 22 kV của MBA 220/110/22 kV và đấu nối với lưới điện địa phương cấp điện cho tự dùng.

- Hệ thống điều khiển, bảo vệ và đo lường, thông tin liên lạc và SCADA: được trang bị phù hợp quy định của EVN, EVNNPT, tuân thủ quy phạm và các quy định hiện hành.

##### **1.2. Phần đường dây đấu nối**

- Xây mới đoạn đường dây 220kV 02 mạch, chiều dài khoảng 0,87 km đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 220kV Bắc Giang – Thái Nguyên (hiện hữu).

- Xây dựng mới đoạn đường dây 22kV dài khoảng 0,1 km đầu nối với lưới điện địa phương cấp điện tự dùng cho trạm.

## **2. Các giải pháp kỹ thuật và các thiết bị chính:**

### **2.1. Phần trạm biến áp**

a) Sơ đồ nối điện chính và mặt bằng bố trí thiết bị

(Bản vẽ sơ đồ nối điện chính số 418037C-NT-Đ1-01; Mặt bằng bố trí thiết bị số 418037C-NT-Đ1-02 và các bản vẽ liên quan do PECC3 lập).

- Máy biến áp: giai đoạn này lắp đặt 01 MBA AT1-220 kV– 250 MVA; dự phòng đất và vị trí để lắp MBA thứ 2.

- Phía 220 kV: giai đoạn này lắp đặt 03 ngăn lộ (01 ngăn lộ đi TBA 220 kV Bắc Giang, 01 ngăn lộ đi TBA 220 kV Thái Nguyên và 01 ngăn tổng MBA AT1) vận hành theo sơ đồ tam giác; dự phòng đất và vị trí để xây dựng 05 ngăn lộ trong tương lai hoàn thiện sơ đồ hai thanh cái có thanh cái vòng bao gồm 08 ngăn lộ.

- Phía 110 kV: giai đoạn này lắp đặt 06 ngăn lộ (01 ngăn tổng 110 kV MBA 220/110/22 kV, 01 ngăn liên lạc và 04 ngăn đường dây (01 ngăn đi TBA 110 kV Lạng Giang, 02 ngăn đi TBA 110 kV Cầu Gò, 01 ngăn đi TBA 110 kV Tân Yên) theo sơ đồ hai thanh cái; dự phòng đất và vị trí để xây dựng 13 ngăn lộ trong tương lai hoàn thiện sơ đồ hai thanh cái và thanh cái vòng bao gồm 19 ngăn lộ.

- Phía 22 kV: thiết bị ngoài trời bố trí theo sơ đồ khối lấy nguồn từ phía 22 kV AT1-220/110/22 kV và đầu nối với lưới điện địa phương cấp điện cho tự dùng.

- Mặt bằng bố trí thiết bị tuân thủ theo Quy phạm trang bị điện hiện hành.

b) Thông số các thiết bị chính

Yêu cầu về thông số kỹ thuật của thiết bị dưới đây được áp dụng cho các thiết bị mua sắm mới. Đối với các thiết bị từ nguồn dự phòng có thể điều động cho dự án sẽ được xem xét lựa chọn đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đảm bảo vận hành ổn định, lâu dài tại trạm.

Các thông số và yêu cầu kỹ thuật tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC và các quy định hiện hành của EVN, EVNNPT. Các thiết bị chính:

b.1) Máy biến áp:

- MBA 220 kV-250 MVA (AT1): loại tự ngẫu 03 pha, kiểu ngâm trong dầu, đặt ngoài trời; công suất 250/250/50 MVA.

- MBA tự dùng: loại 03 pha 02 cuộn dây, đặt ngoài trời; công suất 250 kVA, điện áp  $22 \pm 2 \times 2,5\% / 0,4$  kV.

b.2) Thiết bị phân phối 220 kV:

- Máy cắt: loại ngoài trời, 01 pha, cách điện SF6; 50 kA/1s; 2000 A.

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 01 pha và 03 pha; tiếp đất hai phía, một phía và không tiếp đất; 50 kA/1s; 2000 A.

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 01 pha; 50 kA/1s.

- Biến điện áp: loại ngoài trời, 01 pha, kiểu tụ.

- Chống sét van: loại ngoài trời, 01 pha, ZnO.

- Cách điện đứng: loại ngoài trời, 01 pha.

- Cách điện treo: loại thủy tinh hoặc gốm.

- Phụ kiện chuỗi cách điện, thanh cái và dây dẫn.

b.3) Thiết bị phân phối 110 kV:

- Máy cắt: loại ngoài trời, 03 pha, cách điện SF6; 40 kA/1s; 2000 A.

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 01 pha và 03 pha; tiếp đất hai phía, một phía và không tiếp đất; 40 kA/1s; 2000 A (ngăn lộ tổng MBA, ngăn liên lạc), 1250 A (các ngăn đường dây).

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 01 pha; 40 kA/1s.

- Biến điện áp: loại ngoài trời, 01 pha, kiểu tụ.

- Chống sét van: loại ngoài trời, 01 pha, ZnO.

- Cách điện đứng: loại ngoài trời, 01 pha.

- Cách điện treo: loại thủy tinh hoặc gốm.

- Phụ kiện chuỗi cách điện, thanh cái và dây dẫn.

b.4) Thiết bị phân phối 22 kV

- Máy cắt: loại ngoài trời, 03 pha, cách điện SF6 hoặc chân không; 25 kA/1s; 630 A.

- Dao cách ly: loại ngoài trời, 03 pha; tiếp đất hai phía; 25 kA/1s; 630 A.

- Biến dòng điện: loại ngoài trời, 01 pha.

- Biến điện áp: loại ngoài trời, 01 pha;

- Chống sét van: loại ngoài trời, 01 pha, ZnO.

- Cách điện đứng: loại ngoài trời, 01 pha.

- Dây dẫn.

c) Hệ thống điều khiển bảo vệ, đo lường, đo đếm

c.1. Hệ thống điều khiển

Trang bị hệ thống điều khiển tích hợp bằng máy tính phù hợp với quy mô của dự án, có cấu hình và đặc tính kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành của EVN và EVNNPT.

c.2. Hệ thống rơ le bảo vệ

- Sử dụng rơ le kỹ thuật số có độ nhạy cao, tác động nhanh, có khả năng giao tiếp với máy tính và kết nối với hệ thống SCADA/EMS, hệ thống thông tin vận

hành.

- MBA AT1, ngăn lộ tổng 220 kV, 110 kV và 22 kV, ngăn đường dây 220 kV, ngăn 110 kV (ngăn đường dây, ngăn liên lạc) và các phần tử khác trong trạm được trang bị các loại rơ le bảo vệ theo Quy định về cấu hình hệ thống bảo vệ, quy cách kỹ thuật rơ le bảo vệ đường dây và TBA 500 kV, 220 kV, 110 kV của EVN.

### c.3. Hệ thống đo lường, đo đếm

- Trang bị hệ thống đo lường, đo đếm theo quy định hiện hành.  
- Đặc tính kỹ thuật của thiết bị tuân thủ theo quy định hiện hành của EVN và EVNNPT.

### d) Giải pháp xây dựng chính

(Bản vẽ Tổng mặt bằng số 418037C-NT-XD-01, bản vẽ Mặt bằng san nền số 418037C-NT-XD-02 và các bản vẽ liên quan do PECC3 lập).

- Giải pháp thiết kế các hạng mục xây dựng tuân thủ theo quy định hiện hành của EVN và EVNNPT.

- San nền: cốt san nền hoàn ở cao độ +10,2 m, hệ số đầm nén  $K \geq 0,9$ .  
- Xây dựng các nhà chức năng (Nhà điều khiển trung tâm, Nhà thường trực, Nhà trạm bơm, Nhà nghỉ ca...) và hạ tầng xây dựng phục vụ quản lý vận hành.

### e) Hệ thống Phòng cháy chữa cháy (PCCC)

- Trang bị hệ thống thiết bị, phương tiện PCCC theo các quy định hiện hành và Quy chế PCCC trong EVN.

- Giải pháp TKCS hệ thống PCCC của dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang góp ý tại Văn bản số 3438/CSPCCC&CNCH ngày 16/9/2019.

### f) Giải pháp kỹ thuật khác

f.1) Nguồn điện tự dùng, nối đất, chống sét, chiếu sáng, điều hòa, thông gió và camera giám sát.

- Các yêu cầu kỹ thuật tuân thủ Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp 110 kV-500 kV của EVN.

- Trang bị hệ thống nguồn điện tự dùng, nối đất, chống sét, chiếu sáng, điều hòa, thông gió và camera giám sát theo quy định hiện hành, đảm bảo điều kiện quản lý vận hành cho trạm.

### f.2) Hệ thống thông tin liên lạc, SCADA

Thực hiện giải pháp cho hệ thống SCADA theo các quy định hiện hành đảm bảo kết nối Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang với các Trung tâm điều độ.

### f.3) Hệ thống thông tin liên lạc

(Bản vẽ Sơ đồ tổ chức thông tin số 418037C-NT-TT-02 và các bản vẽ có

liên quan do PECC3 lập)

- Các yêu cầu kỹ thuật tuân thủ Quy định hiện hành về đặc tính kỹ thuật cơ bản của thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin trong EVNNPT và các quy định liên quan.

- Thiết lập kênh thông tin cho role bảo vệ các đường dây 220 kV, phối hợp sẵn sàng cho các đường dây 110 kV.

- Thiết lập kênh truyền tín hiệu điều khiển, quản lý vận hành, SCADA về trung tâm điều độ HTĐ miền Bắc (NSO) và tương lai về B01.

- Cung cấp kênh truyền tín hiệu của hệ thống đo đếm mua bán điện năng của trạm về trung tâm quản lý dữ liệu của EVN, EVNNPT.

- Cung cấp kênh kết nối TBA 220 kV Lạng Giang vào hệ thống mạng WAN hiện có của EVN, EVNNPT để phục vụ nhu cầu giám sát, quản lý của EVNNPT và các công ty truyền tải điện.

- Trang bị giải pháp an ninh, an toàn thông tin theo quy định.

## **2.2. Phần đường dây 220 kV đấu nối**

### **a) Quy mô**

Xây dựng mới đoạn đường dây 220 kV 02 mạch đấu nối chuyên tiếp trên 01 mạch Đường dây 220 kV Bắc Giang – Thái Nguyên (hiện hữu).

- Điểm đầu: điểm đấu nối G1 dự kiến nằm giữa khoảng trụ 54 - 55 của Đường dây 220 kV Bắc Giang - Thái Nguyên (hiện hữu).

- Điểm cuối: cột công 220 kV TBA 220 kV Lạng Giang.

- Chiều dài: khoảng 0,87 km.

b) Thông số và yêu cầu kỹ thuật của vật tư thiết bị tuân thủ theo quy định hiện hành của EVN và EVNNPT. Các thiết bị chính:

- Dây dẫn điện: Sử dụng dây dẫn nhiệt độ cao lõi tổng hợp sợi các bon, tiết diện nhôm đảm bảo khả năng tải tương đương với đường dây 220 kV hiện hữu.

- Dây chống sét, cáp quang: sử dụng 02 dây chống sét kết hợp cáp quang OPGW-70.

- Cách điện: sử dụng cách điện bằng gốm hoặc thủy tinh, tải trọng thiết kế đảm bảo theo quy định, với tiêu chuẩn đường rò lựa chọn là 20 mm/kV, được chế tạo theo tiêu chuẩn IEC.

- Xây dựng cột, móng và nối đất theo qui định hiện hành.

## **2.3. Đường dây 22 kV cấp điện tự dùng:**

Xây dựng mới đoạn đường dây 22 kV, chiều dài khoảng 0,1 km đấu nối với lưới điện địa phương để cấp điện tự dùng cho trạm biến áp.

Giải pháp kỹ thuật chi tiết theo nội dung Tờ trình số 3361/TTr-EVNNPT

ngày 27 tháng 6 năm 2025 của EVNNPT.

#### IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. *Cơ sở thẩm định*: Theo khoản 10 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2. *Phạm vi thực hiện thẩm định BCNCKT đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng*: Theo Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

#### 3. Nguyên tắc thẩm định:

- Khách quan, minh bạch về trình tự, thủ tục, hồ sơ, kết quả thẩm định và tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính trong quá trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- Việc lập, thẩm định BCNCKT ĐTXD: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

#### V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

a) Dự án đầu tư xây dựng Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối cơ bản phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

#### b.1) Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT ĐTXD:

- Về năng lực của tổ chức thực hiện khảo sát, lập BCNCKT ĐTXD: PECC3 đảm bảo điều kiện về năng lực và tư cách pháp nhân hoạt động xây dựng, hoạt động kinh doanh theo luật định.

- Về năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm và chủ trì lập BCNCKT ĐTXD: Chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm và chủ trì đều là các kỹ sư có các chứng chỉ hành nghề phù hợp do Bộ Xây dựng cấp, các chứng chỉ còn hiệu lực tới ngày nộp hồ sơ thẩm định.

#### b.2) Tư vấn thẩm tra:

- Về năng lực của tổ chức thực hiện thẩm tra: IE đảm bảo điều kiện về năng lực và tư cách pháp nhân hoạt động xây dựng, hoạt động kinh doanh theo luật định.

- Về năng lực của cá nhân thẩm tra: Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra BCNCKT ĐTXD là kỹ sư làm công tác thiết kế và thẩm tra, thẩm định thiết kế, tổng mức đầu tư có các chứng chỉ hành nghề phù hợp do Bộ Xây dựng cấp, các chứng chỉ còn hiệu lực tới ngày nộp hồ sơ thẩm định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

- Dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối phù hợp với Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối được dự kiến xây trên khu vực cánh đồng trồng lúa tại địa phận thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (cũ) đã được UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 và được Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang chấp thuận Điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 225/QĐ-STC ngày 18 tháng 6 năm 2025.

- EVNNPT, Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm rà soát, đảm bảo Thiết kế cơ sở phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy hoạch có tính chất chuyên ngành khác có liên quan.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 và được Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 225/QĐ-STC ngày 18 tháng 6 năm 2025.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

Dự án đảm bảo khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Giải pháp thiết kế cơ sở của Dự án bảo đảm an toàn xây dựng và được thực hiện theo các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Các giải pháp kỹ thuật chính của công trình được lựa chọn về cơ bản phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công)

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định Tổng mức đầu tư (TMĐT) xây dựng các căn cứ pháp lý để xác định Tổng mức đầu tư xây dựng

Hồ sơ trình thẩm định TMĐT xây dựng Dự án thuộc hồ sơ trình thẩm định BCNCKT kèm theo Tờ trình số 3361/TTr-EVNNPT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của EVNNPT cơ bản đã đầy đủ danh mục hồ sơ, tài liệu, văn bản theo quy định. Các căn cứ pháp lý để xác định TMĐT xây dựng của Dự án cơ bản đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, trong thuyết minh cơ sở lập TMĐT cần cập nhật, bổ sung văn bản hướng dẫn của địa phương được áp dụng để xác định dự toán chi phí vận chuyển hàng hóa bằng ô tô; cập nhật Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Sự phù hợp của tổng mức đầu tư (TMĐT) xây dựng với sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; Phương pháp xác định TMĐT xây dựng

TMĐT Dự án được xác định từ khối lượng xây dựng trong hồ sơ thiết kế cơ sở và các yêu cầu cần thiết khác của Dự án. Phương pháp lập TMĐT phù hợp với quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 14/2023/TT-BXD, Thông tư số 01/2025/TT-BXD, đảm bảo các khoản mục chi phí theo quy định.

c) Sự phù hợp của nội dung TMĐT xây dựng quy định tại Điều 5 Nghị định 10/2021/NĐ-CP với các nội dung và yêu cầu của Dự án:

Nội dung TMĐT của Dự án gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng. TMĐT được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của BCNCKT; đơn giá thiết bị vật tư sử dụng từ các công trình tương tự và đã thực hiện trong EVNNPT, tham khảo một số báo giá phù hợp trên thị trường. Nội dung các khoản mục chi phí cơ bản đáp ứng yêu cầu của dự án, tuân thủ quy định của Nghị định 10/2021/NĐ-CP.

Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn kiểm tra, rà soát, sự đồng nhất đơn giá mua sắm thiết bị, vật tư điện giữa các dự án cùng người quyết định đầu tư, đảm bảo sự lựa chọn đơn giá phù hợp và hiệu quả cho dự án.

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, các công cụ cần thiết khác do cơ

quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố và việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của các dự án, công trình tương tự để xác định tổng mức đầu tư xây dựng:

Các khoản mục chi phí được lập trên cơ sở hệ thống định mức, đơn giá xây dựng chuyên ngành; các văn bản quy định về chế độ, chính sách hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

## VI. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối chỉ đủ điều kiện trình phê duyệt sau khi đã hoàn thiện các nội dung yêu cầu giải trình, sửa đổi, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Cục ĐL nêu trên, các yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện dưới đây và theo yêu cầu trong Báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện:

a) Về văn bản, thủ tục pháp lý:

- Rà soát thực hiện đầy đủ thỏa thuận chuyên ngành liên quan theo các quy định của pháp luật về an ninh mạng.

- Bổ sung quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Rà soát, thực hiện đầy đủ các quy định tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn.

- Bổ sung thỏa thuận tuyến đường dây trung thế đầu nối với lưới điện địa phương cấp điện tự dùng cho Trạm biến áp 220kV Lạng Giang với cấp có thẩm quyền.

- Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất khu vực dự án, bảo đảm vị trí trạm và các công trình liên quan thuộc phạm vi dự án phù hợp với quy hoạch trên cơ sở thống nhất với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai tại địa phương, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành liên quan.

b) Về các giải pháp kỹ thuật

- EVNNPT, Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm chịu trách nhiệm rà soát số liệu, kết quả tính toán trào lưu công suất hệ thống điện khu vực bảo đảm phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã duyệt không làm ảnh hưởng đến truyền tải công suất các Nhà máy điện trong khu vực.

- Bổ sung mô hình thông tin công trình (BIM) theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024.

- Bổ sung thuyết minh đầy đủ sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có liên quan.

- Rà soát, chuẩn xác việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong thiết kế bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đạt các yêu cầu kỹ thuật, an toàn, hiệu quả đầu tư.

- Rà soát hoàn thiện BCNCKT ĐTXD dự án, các giải pháp thiết kế theo các quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng.

- Kiểm tra các thông số khảo sát địa chất và tính toán điện trở nổi đất đảm bảo phương án nổi đất, chống sét lựa chọn phù hợp theo quy phạm.

#### c) Về xác định TMĐT xây dựng

\* Hạng mục chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Khoản chi phí “Chi phí khảo sát cắm mốc, đo vẽ địa chính”: Chủ đầu tư rà soát cơ sở xác định khoản chi phí này; chi phí này thuộc nội dung chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (điểm b khoản 1 Điều 4).

\* Hạng mục chi phí xây dựng:

- Cập nhật hướng dẫn, quy định tại Thông tư số 08/2025/TT-BXD trong xác định dự toán chi phí xây dựng công trình.

- Đơn giá mua sắm bulong lắp ghép cột thép: chủ đầu tư rà soát cơ sở đơn giá, đối chiếu giữa đơn giá bulong lắp ghép (41.600 đồng/kg) và đơn giá bulong neo mạ kẽm được chiết tính chi tiết, có sự lựa chọn đơn giá trong dự toán phù hợp, tối ưu (35.027 đồng/kg - 34.714 đồng/kg).

- Phần san nền trạm: chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế rà soát đơn giá vật liệu xây dựng được lựa chọn theo công bố giá của cơ quan có thẩm quyền của địa phương (các thành phần chi phí đã được tính trong đơn giá).

#### d) Các ý kiến khác:

- Bổ sung và hoàn thiện các nội dung theo yêu cầu trong các báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra.

Trước khi phê duyệt BCNCKT ĐTXD, Chủ đầu tư chỉ đạo cơ quan Tư vấn thiết kế cập nhật, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu và chuyển cơ quan Tư vấn thẩm tra rà soát, xác nhận hồ sơ. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính hợp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ sau hiệu chỉnh, chỉ phê duyệt BCNCKT ĐTXD sau khi đã hoàn thiện đầy đủ nội dung theo ý kiến thẩm định của Cục ĐL. Sau khi phê duyệt, Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ BCNCKT ĐTXD hoàn thiện (01 hồ sơ bản cứng hoàn thiện và đĩa CD hoặc phương tiện lưu trữ di động lưu bản mềm có chữ ký số) về Cục

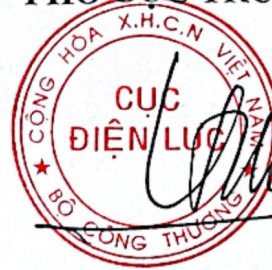
ĐL để theo dõi, quản lý.

Trên đây là thông báo của Cục Điện lực về kết quả thẩm định BCNCKT ĐTXD dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối, đề nghị EVNNPT nghiên cứu thực hiện theo quy định./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- EVN;
- NPMB;
- PECC3;
- IE;
- Lưu: VT, KH&QH (nmc).

66  
**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Tăng Thế Hùng**

Số: 225 /QĐ-STC

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ  
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 28 tháng 11 năm 2024)  
(điều chỉnh lần thứ 02: ngày 18 tháng 6 năm 2025)

**SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh về việc Ủy quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án ngoài khu công nghiệp trong một số trường hợp;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư số 1026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ dự án kèm theo do Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia nộp ngày 26 tháng 5 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với Dự án “Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đấu nối” của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia đã được UBND tỉnh Bắc Giang



Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung Nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1, Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang được điều chỉnh như sau:

“1. Nhà đầu tư:

Tên Nhà đầu tư: **TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0102743068 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp đăng ký lần đầu ngày 06/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 12/2/2025.

Địa chỉ trụ sở: Số 18 Trần Nguyễn Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội”

2. Nội dung Quy mô dự án quy định tại khoản 4 Điều 1, Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang được điều chỉnh như sau:

“4. Quy mô dự án:

- Trạm biến áp: công suất 250 MVA (dự phòng vị trí lắp đặt các máy biến áp trong tương lai đảm bảo công suất tổng theo Quy hoạch)”

- Đường dây đấu nối:

+ Xây dựng mới đoạn đường dây 220 kV 02 mạch, dài khoảng 0,87 km đấu nối chuyển tiếp trên Đường dây 220 kV Bắc Giang – Thái Nguyên (hiện hữu).

+ Xây dựng mới đoạn đường dây 22 kV dài khoảng 0,1 km đấu nối với lưới điện địa phương cấp điện tự dùng cho trạm”.

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo giữ nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia có trách nhiệm:

- Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số vốn đầu tư tăng theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện dự án, Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về Sở Tài chính và UBND huyện Tân Yên theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 và Điều 102 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Thực hiện chế

độ báo cáo theo dõi, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương, UBND huyện Tân Yên và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc giải quyết kịp thời những công việc có liên quan đến dự án đầu tư trên theo quy định của pháp luật.

- UBND huyện Tân Yên có trách nhiệm theo dõi việc triển khai thực hiện và hoạt động của dự án; định kỳ hằng quý, năm báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) theo quy định.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang.

2. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công thương; UBND huyện Tân Yên, Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định được cấp cho Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia 01 (một) bản; 01 (một) bản được lưu tại Sở Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chi cục thuế khu vực VI;
- UBND thị trấn Cao Thượng;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, KTĐN<sub>NĐT</sub>.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC




Vũ Văn Cường



Số: 1026 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ  
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**  
(cấp lần đầu: ngày 28 tháng 11 năm 2024)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 58/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách khu đất công thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và điểm b khoản 1 Điều 3 của Quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

*Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia nộp ngày 11 tháng 11 năm 2024;*

*Xét Báo cáo thẩm định số 683/BC-SKHDT ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

### **1. Nhà đầu tư**

Tên nhà đầu tư: TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0102743068, cấp lần đầu ngày 06/5/2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 13/11/2020; cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở: Số 18, phố Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.2222.6666; Email: [tt.npt@npt.evn.vn](mailto:tt.npt@npt.evn.vn).

**2. Tên dự án:** TRẠM BIẾN ÁP 220 KV LẠNG GIANG VÀ ĐƯỜNG DÂY ĐÁU NỐI

### **3. Mục tiêu dự án:**

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Truyền tải và phân phối điện	3512	

### **4. Quy mô dự án:**

- Trạm biến áp: Công suất 500 MVA.

- Đường dây đấu nối:

+ Xây dựng mới đoạn đường dây 220 kV 02 mạch, dài khoảng 0,87 km đấu nối chuyển tiếp trên Đường dây 220 kV Bắc Giang - Thái Nguyên (hiện hữu).

+ Xây dựng mới đoạn đường dây 22 kV dài khoảng 0,1 km đấu nối với lưới điện địa phương cấp điện tự dùng cho trạm.

**5. Vốn đầu tư của dự án:** 371.421.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu đồng*), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 112.421.000.000 đồng (*Một trăm mười hai tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu đồng*).

- Vốn huy động (vốn vay từ các tổ chức tín dụng): 259.000.000.000 (*Hai trăm năm mươi chín tỷ đồng*).

**6. Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm, kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

**7. Địa điểm thực hiện dự án:**

- Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang: tại Thôn Bùi, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Tuyến đường dây 220 kV đầu nối TBA 220 kV Lạng Giang đi trên địa bàn thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**8. Diện tích đất sử dụng:** 4,42 ha, trong đó:

- Diện tích sử dụng đất cho trạm biến áp: khoảng 4,27 ha.

- Diện tích sử dụng đất cho móng cột đường dây đầu nối: khoảng 0,15 ha.

**9. Tiến độ thực hiện dự án:**

a) *Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:*

- Vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	112.421.000.000		100	Tiền mặt	Theo tiến độ dự án

- Vốn huy động: 259.000.000.000 đồng, tiến độ huy động vốn: Theo tiến độ dự án.

b) *Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành*

- Hoàn thành thủ tục đất đai, xây dựng và thủ tục khác có liên quan; xây dựng các hạng mục công trình: Tháng 12/2026.

- Đưa công trình vào khai thác vận hành: Tháng 01/2027.

**10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:** Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia:

- Có trách nhiệm thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện dự án phải chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, điện lực, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, lao động, bảo hiểm và các quy định pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Tân Yên theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo theo dõi, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

## 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo số tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án cho nhà đầu tư theo quy định và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ ký quỹ của nhà đầu tư.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ xem xét đề nghị UBND tỉnh cho thuê đất khi nhà đầu tư đã hoàn thành ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định; thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường đối với dự án và xử lý theo quy định.

- UBND huyện Tân Yên có trách nhiệm theo dõi việc triển khai thực hiện và hoạt động của dự án; định kỳ hằng quý, hằng năm báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Kế hoạch và Đầu tư*) theo quy định.

### Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; UBND huyện Tân Yên, Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định được cấp cho Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia 01 (một) bản; 01 (một) bản được lưu tại UBND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Cục Thuế tỉnh;
- UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN, Trung tâm PVHCC (bộ phận "Một cửa");
- Lưu: VT, TH<sub>Minh</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Mai Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /UBND-CN  
V/v thỏa thuận vị trí lắp đặt Trạm  
biến áp 220kV Lạng Giang và  
đường dây 220kV đấu nối

Bắc Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Kính gửi:

- Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc.

Căn cứ Quyết định số 13976/QĐ-BCT ngày 18/12/2015 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2015 có xét đến 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV; Quyết định số 3870/QĐ-BCT ngày 09/10/2017 của Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2015 có xét đến 2035.

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 44/SCT-QLNL ngày 11/01/2019 về việc thỏa thuận vị trí đặt TBA 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối. UBND tỉnh Bắc Giang nhất trí phương án vị trí lắp đặt Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây 220kV đấu nối như sau:

1. Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép (2 mạch), tổng chiều dài khoảng 0,87 km đi qua địa bàn xã Cao Thượng, huyện Tân Yên.

- Điểm đầu: Điểm đấu nối G4 dự kiến nằm giữa khoảng cột 54 - 55 của đường dây 220kV Bắc Giang - Thái Nguyên.

- Điểm cuối: TBA 220kV Lạng Giang.

2. Xây dựng mới 01 Trạm biến áp có công suất 2x250MVA - 220/110/22kV. Địa điểm xây dựng thuộc địa bàn xã Cao Thượng, huyện Tân Yên. Diện tích xây dựng trạm biến áp khoảng 40.000m<sup>2</sup>, diện tích đường vào TBA khoảng 10.000m<sup>2</sup>.

Vị trí, tọa độ hướng tuyến theo bản vẽ mặt bằng phương án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây (418037C-NT-MBT-01) kèm theo Công văn số 44/SCT-QLNL ngày 11/01/2019 của Sở Công Thương.

Đề nghị chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư xây dựng và sớm triển khai dự án theo đúng tiến độ, lộ trình đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, TNMT;
- UBND huyện Lạng Giang, Tân Yên;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Lưu: CN, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Văn Thái**

Số: 94 /UBND-KTTH

*Bắc Giang, ngày 11 tháng 3 năm 2024*

V/v thỏa thuận điều chỉnh  
hướng tuyến dự án: Trạm biến  
áp 220kV Lạng Giang và  
đường dây đầu nối

Kính gửi:

- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc.

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 –2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công văn số 628/TVĐ3-CNMT ngày 27/02/2024 về việc thỏa thuận đường vào trạm biến áp, hướng tuyến đường dây đầu nối 220kV và đường dây 22kV cấp điện tự dùng hiệu chỉnh thuộc công trình “TBA 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối”. Sau khi xem xét, UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận điều chỉnh hướng tuyến dự án: Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối như sau:

### **1. Nguyên nhân điều chỉnh**

Dự án trạm biến áp 220 kV và đường dây đầu nối đã được UBND tỉnh Bắc Giang thỏa thuận tại văn bản số 25/UBND-CN ngày 27/02/2019. Chủ đầu tư đã phê duyệt các thủ tục để triển khai dự án theo quy định. Tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án có sự chồng lấn với Quy hoạch chung Thị trấn Cao Thượng đến năm 2040 đã được phê duyệt. Sau khi rà soát, ngày 22/01/2024 đơn vị tư vấn đã có biên bản làm việc với UBND huyện Tân Yên thống nhất hướng tuyến điều chỉnh và gửi hồ sơ xin ý kiến Sở Xây dựng. Ngày 29/02/2024, Sở Xây dựng đã có Công văn số 561/SXD-QHKT nhất trí với phương án hiệu chỉnh hướng tuyến.

**2. Địa điểm điều chỉnh:** Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

### **3. Phương điều chỉnh:**

#### *3.1. Đường dây 220kV đầu nối*

- Chiều dài tuyến: Khoảng 0,87 km;
- Điểm đầu: Điểm đầu nối G1 dự kiến nằm giữa khoảng trụ 54 - 55 của đường dây 220kV Bắc Giang - Thái Nguyên hiện hữu;
- Điểm cuối: Cột cổng 220kV TBA 220kV Lạng Giang.

### 3.2. Đường dây 22kV cấp điện tự dùng

- Chiều dài tuyến: 0,1 km;
- Điểm đầu: Trụ 08 nhánh Bờ Cóc, đường dây 472 E7.24;
- Điểm cuối: TBA 250kVA-22/0,4 kV đặt trong khuôn viên TBA 220 kV Lạng Giang.

### 3.3. Đường giao thông vào trạm biến áp

Đường giao thông vào Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang hiệu chỉnh đi theo các tuyến đường quy hoạch của thôn Bùi, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 để tránh chồng chéo với các dự án đang triển khai trên địa bàn huyện, tiết kiệm quỹ đất cho địa phương.

### 4. Về tọa độ, vị trí điều chỉnh hướng tuyến:

Theo Bản vẽ mặt bằng hướng tuyến đường dây 220kV đấu nối và đường vào trạm hiệu chỉnh có ký hiệu: 418037C-NT-MBT - 01 kèm theo Công văn số 304/ SCT-QLNL ngày 07/3/2024 của Sở Công Thương Bắc Giang.

Đề nghị Chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư xây dựng và triển khai dự án theo đúng tiến độ được phê duyệt./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Phan Thế Tuấn;
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
- Các Sở: CT, GTVT, XD, NN&PTNT, TN&MT;
- UBND huyện Tân Yên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
  - + LĐVP, TKN, TH, KTTH;
  - + Lưu: VT, TPKTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Thế Tuấn**

BỘ TỔNG THAM MƯU  
CỤC TÁC CHIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/TC-QC

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

V/v chấp thuận độ cao tĩnh không đường  
dây 220kv đấu nối TBA 220kv Lạng  
Giang hiệu chỉnh thuộc dự án "TBA  
220kv Lạng Giang và đường dây đấu nối"

Kính gửi: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.  
(Đ/c: Số 32, đường Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh)

Cục Tác chiến nhận được Công văn số 774/TVĐ3-CNMT ngày 07/3/2024 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 về việc chấp thuận độ cao tĩnh không đường dây 220kv đấu nối TBA 220kv Lạng Giang hiệu chỉnh thuộc dự án "TBA 220kv Lạng Giang và đường dây đấu nối" trên địa bàn thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (Nghị định 32/2016/NĐ-CP). Cục Tác chiến có ý kiến như sau:

1. Về mặt quản lý vùng trời, quản lý bay và quản lý chướng ngại vật hàng không: Đồng ý chấp thuận độ cao tĩnh không đường dây tại vị trí nêu trên, với các thông số kỹ thuật, cụ thể:

STT	Tên góc	Tọa độ VN2000, KTT107°00', MC 3°		Tọa độ WGS84		Cốt đất tự nhiên (m)	Chiều cao cột tối đa (m)	Cao độ công trình (m)
		X (m)	Y (m)	B (o ' ")	L (o ' ")			
1	G1	2366533.740	409800.99	21°23'29"	106°07'55"	6,97	46	52,97
2	G2	2366656.440	410128.780	21°23'33"	106°08'6"	8,56	57,5	66,06
3	G3	2366783.440	410468.040	21°23'37"	106°08'18"	9,06	46	55,06
4	G4	2366702.650	410532.320	21°23'35"	106°08'20"	9,22	46	55,22

2. Về mặt cảnh báo hàng không: Công trình được thực hiện cảnh báo hàng không theo quy định tại Điều 16/Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

3. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 liên hệ với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để giải quyết các vấn đề

liên quan, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với quốc phòng, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, những vấn đề vượt quá thẩm quyền, gửi văn bản về Cục Tác chiến để giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tham mưu PK-KQ;
- Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, PQC. C06.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Thiếu tướng Lưu Quang Vụ**

V/v chủ trương cấp điện tự dùng cho  
dự án Trạm biến áp 220kV Lạng  
Giang và đường dây đầu nối

Kính gửi: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 3

Căn cứ công văn số 25/UBND-CN ngày 27/2/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thỏa thuận vị trí lắp đặt trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây 220kV đầu nối;

Căn cứ tờ trình số 4239/TTr-EVNNPT ngày 26/9/2023 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Trạm biến áp 220 kV Lạng Giang và đường dây đầu nối;

Căn cứ biên bản làm việc ngày 22/1/2024 giữa UBND huyện Tân Yên và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 3 về việc điều chỉnh hướng tuyến đường dây đầu nối 220kV, đường dây 22kV cấp điện tự dùng và đường giao thông vào TBA 220kV Lạng Giang thuộc dự án TBA 220kV và đường dây đầu nối;

Căn cứ công văn số 481/TVDD-CNMT ngày 05/2/2024 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 3 về việc xin chủ trương cấp điện tự dùng cho dự án Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối;

Căn cứ Hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 3 lập.

Sau khi nghiên cứu, xem xét Công ty Điện lực Bắc Giang có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương Công ty Điện lực Bắc Giang nhất trí việc xây dựng đường dây 22kV và TBA 250kVA-22/0,4kV để cấp điện tự dùng cho TBA 220kV Lạng Giang với các nội dung sau:

- Nguồn cấp điện dự kiến: Cột 08 Nhánh Bờ Cóc, đường dây 472 E7.24;
- Công suất dự kiến: Xây dựng 01 TBA có công suất 250kVA.

2. Khi thiết kế kỹ thuật thi công, Quý Công ty cần thực hiện thiết kế công trình điện theo các quy định hiện hành.

Công ty Điện lực Bắc Giang xin trả lời để Quý Công ty được biết để triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các PGĐ PCBG;
- ĐĐ, KD;
- ĐLTY;
- Lưu: VT, KT.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bá Sơn

**LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐẠI ĐÔNG Á – CÔNG TY CP TM&ĐT RỒNG VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2024/DDA-ĐT

Hà Nội, ngày 01. tháng 03. năm 2024

V/v: Thống nhất điểm đấu nối giữa đường vào TBA 220kV Lạng Giang và đường thuộc dự án Khu số 2 thuộc KĐT phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

Kính gửi: Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Chi nhánh miền Trung.

Căn cứ Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu số 2 thuộc KĐT phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên;

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 06/2022/HĐ DASDD ngày 13 tháng 06 năm 2022 giữa UBND huyện Tân Yên và Công ty CP Đầu tư Đại Đông Á và Công ty CP Thương mại và Đầu tư Rồng Việt;

Căn cứ công văn số 094/CNMT-TR ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Chi nhánh miền Trung về việc thống nhất điểm đấu nối giữa đường vào TBA 220kV Lạng Giang và đường thuộc dự án khu số 2, khu đô thị phía Đông;

Căn cứ thỏa thuận của liên danh giữa Công ty CP Đầu tư Đại Đông Á và Công ty CP Thương mại và Đầu tư Rồng Việt.

Đại diện liên danh, Công ty CP Đầu tư Đại Đông Á đồng ý với đề nghị của Quý Công ty TVĐ3 về việc thống nhất điểm đấu nối đường vào TBA 220kV Lạng Giang và đoạn đường thuộc dự án Khu số 2 thuộc khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng. Cụ thể như sau:

- Điểm đấu nối ký hiệu TDD;
- Tọa độ vị trí điểm đấu nối: X=2366313.05 và Y=410850.45
- Cao độ mặt đường tại vị trí điểm đấu nối: Đề nghị Quý Công ty hiệu chỉnh cao độ cho phù hợp với cao độ mặt đường của dự án khu số 2 tại điểm đấu nối sao cho phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng hệ thống đường giao thông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000.

Liên danh Công ty CP Đầu tư Đại Đông Á – Công ty CP Thương mại và Đầu tư Rồng Việt trân trọng thông báo tới Quý Công ty để triển khai các công việc tiếp theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; Phòng ĐT.

**ĐẠI DIỆN LIÊN DANH  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
ĐẠI ĐÔNG Á**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Lê Tiến Hùng**

Số: 961 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối”

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 533/TTr-TNMT ngày 23/8/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” (sau đây gọi là dự án) của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>1</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

<sup>1</sup> Thành lập theo Quyết định số 572/QĐ-TNMT ngày 22/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Tân Yên; UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên; Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**DỰ ÁN “TRẠM BIẾN ÁP 220kV LẠNG GIANG**  
**VÀ ĐƯỜNG DÂY ĐÁU NỔI”**

*(Kèm theo Quyết định số 961 /QĐ-UBND ngày 30 /8/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án**

- Phạm vi dự án: Dự án được thực hiện trên địa bàn thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 4,75ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Trạm biến áp 220kV Lạng Giang có quy mô lắp đặt 2 máy biến áp (2 MBA 220/110/22kV-500MVA), giai đoạn này (của dự án) lắp 01 máy biến áp 220/110/22kV-250MVA, diện tích thu hồi 34.901,5m<sup>2</sup>.

+ Đường dây đấu nối 220kV - 2 mạch (dài 0,94km), điểm đầu từ điểm đầu nối G1 dự kiến nằm giữa khoảng trụ 54 - 55 của đường dây 220kV Bắc Giang - Thái Nguyên hiện hữu, điểm kết thúc là cột cổng 220kV trong trạm biến áp 220kV Lạng Giang, diện tích thu hồi móng trụ 1.303m<sup>2</sup>.

+ Đường dây đấu nối 22kV - 1 mạch (dài 600m), điểm đầu từ cột TD1 xây dựng mới nằm giữa khoảng cột 16&17 lộ CX-474 đường dây 22kV hiện hữu, điểm kết thúc là cột TD5 đặt MBA tự dung nằm trong khuôn viên trạm biến áp 220kV Lạng Giang;

+ Đường vào trạm rộng 6m, lề đường mỗi bên rộng 1,5m, nối từ đường nhựa ĐT295 hiện hữu đến cổng trạm biến áp, diện tích thu hồi 11.267 m<sup>2</sup>.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư, gồm: San nền trạm, đường bê tông, đào đắp móng trụ, lắp dựng cột, kéo dây.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

- Theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang thì dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đấu nối” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 4,75ha.

Trong đó, diện tích đất trồng lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng là 4,5ha (theo Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Yên).

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 4,75ha (bao gồm đất lúa và hoa màu), trong đó diện tích đất lúa cần thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 4,5ha.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; từ việc sử dụng nhiên liệu cho động cơ đốt trong; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công, xịt rửa bánh xe,... và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp các hạng mục công trình; từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

### **2.2. Giai đoạn vận hành dự án**

- Trạm biến áp vận hành tự động, không có người trực, vì vậy không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng làm phát sinh chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Tác động do nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực.

- Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông trong quá trình vận hành các dòng xe; rủi ro, sự cố về bão lũ, ngập úng; nguy cơ trượt lở, hư hỏng công trình,...

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

#### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 3,1 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động vệ sinh rửa dụng cụ thi công và xịt rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển,... khoảng 1,31 - 1,83 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền; từ quá trình bốc xúc, tập kết nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm,.... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>,...

### 3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

\* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 28 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 5,9 tấn, với thành phần chủ yếu là sinh khối (như: rơm, rạ, cành cây, lá,...).

- Đất bóc lớp thực vật bề mặt phát sinh khoảng 7.980m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 30-50 kg/ngày, chủ yếu là cát, đá, gạch, vữa thải, đầu mẫu ống nhựa, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, ...

\* Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 3-5 kg/tháng, chủ yếu là dầu thải; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải,....

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu,....

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến hệ thống giao thông khu vực; tác động đến vùng sản xuất lân cận dự án,...

- Tác động do sự cố bom mìn còn sót lại; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai,...

## 3.2. Giai đoạn vận hành dự án

### 3.2.1. Nước thải

Nước mưa chảy trên bề mặt dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường

thoát nước của dự án, dẫn tới ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước và chất lượng các dòng nước mặt trong khu vực.

### 3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án (trạm biến áp) chủ yếu là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ hư hỏng trong quá trình hoạt động, với khối lượng khoảng 30-50kg/năm.

- Trong quá trình kiểm tra và bảo dưỡng trạm và tuyến đường dây đầu nối, chất thải rắn phát sinh chủ yếu giẻ lau sứ (khoảng 10 kg/tháng).

- Dầu cách điện máy biến áp (chỉ phát sinh khi sự cố).

- Chất thải nguy hại khác (như: hộp mực in thải, bóng đèn thải, pin thải, giẻ lau dính dầu, ...) phát sinh khoảng 14-22 kg/năm.

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể do quá trình vận hành của máy biến áp và quá trình truyền tải điện trên tuyến đường dây.

### 3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội của khu vực;

- Tác động do điện từ trường;

- Tác động do sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố thiên tai; sự cố ngập úng, sạt lở, sụt lún.

## 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Trang bị 02 nhà vệ sinh di động có bể thải dung tích khoảng 1,6m<sup>3</sup> để lưu chứa nước thải phát sinh.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển chất thải từ nhà vệ sinh di động đem đi và xử lý theo quy định (tần suất tối đa khoảng 4-6 tháng/lần hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng được xử lý như sau:

+ Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công: Bố trí 2 - 3 thùng phuy 200 lít phục vụ vệ sinh dụng cụ, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, trộn bê tông,... không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Đối với nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe các phương tiện ra vào công trường: Bể tách dầu 2 ngăn có thể tích 6m<sup>3</sup> gồm 2 bể phân ly, mỗi bể phân ly thể tích 3m<sup>3</sup> để xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ khu vực rửa xe. Lượng nước thải này được lắng cặn và tái sử dụng để cho công tác phối trộn vữa, bê tông, rửa máy móc, thiết bị,... không thải bỏ. Phần cặn lắng phát sinh không nhiều và định kỳ 01 tuần/lần, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến thu gom và thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời được bố trí để thoát nước không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

+ Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

#### 4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (như: đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Từ hoạt động đào đắp: San lấp mặt bằng theo đúng chỉ giới; phun tưới ẩm đất đắp với những ngày thời tiết nắng, khô hanh trong quá trình lu nền nền đường với tần suất 2 lần/ngày và có thể tăng lên 4 - 6 lần/ngày trong khu vực tập trung đông dân cư hoặc trong những ngày hanh khô, có gió và tình hình phát sinh bụi.

+ Từ quá trình vận chuyển: Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển khoảng khoảng 2 lần/ngày trong phạm vi bán kính 1km từ tuyến đường dự án và tăng tần suất lên 4 - 6 lần/ngày trong những ngày hanh khô và tình hình phát sinh bụi.

+ Từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu: Thực hiện phun nước tưới ẩm tại khu vực bốc dỡ, tập kết và khu vực xung quanh để hạn chế bụi phát sinh.

+ Từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Thực hiện phun nước tưới ẩm với tần suất khoảng 4 - 6 lần/ngày, đặc biệt là vào những ngày thời tiết khô hanh.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (như: găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Yêu cầu về chất lượng xe vận chuyển vật liệu xây dựng, thiết bị thi công phải đáp ứng các quy định có liên quan về an toàn kỹ thuật, kiểm định theo đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải và tiếng ồn.

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực thực hiện dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu tối đa lượng bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

4.1.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng để thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

\* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Toàn bộ phần sinh khối có khả năng tận dụng cho các mục đích khác (như: làm củi đốt, thức ăn cho chăn nuôi,...) sẽ để cho người dân tận dụng. Phần còn lại, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với lượng đất bóc lớp thực vật bề mặt (khoảng 7.980m<sup>3</sup>) được tận dụng, sử dụng để trồng cỏ, cây tại khu vực Sân vận động Tổ dân phố Tân Lập, thị trấn Cao Thượng hoặc trồng cây dọc hai bên tuyến đường. Trường hợp tận dụng đất bóc này làm vật liệu san nền tại dự án hoặc vận chuyển đi làm vật liệu xây dựng, san nền các dự án, công trình xây dựng khác, Chủ dự án/nhà thầu thi công phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành thi công trên thực địa.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công: Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 30-50 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là gỗ vụn, sắt thép, đầu mẫu ống nhựa,... được thu gom và bán cho đơn vị có đủ chức năng tái chế, tái sử dụng, ngoài ra Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đối với các loại không thể tận dụng lại như gạch, bê tông, đất đá,...

4.1.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế việc sửa chữa máy móc, xe cộ tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố).

- Trang bị thùng phuy loại 100-200 lít để chứa chất thải nguy hại. Mỗi loại chất thải phát sinh được thu gom đựng vào một thùng chứa riêng. Các thùng phuy được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại đặt tại khu vực lưu giữ tạm thời (container dung tích 06 m<sup>3</sup>) để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại định kỳ hoặc cả quá trình thi công theo quy định (tần suất khoảng 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Để giảm bớt tiếng ồn và rung động cần phải có kế hoạch thi công hợp lý.

- Công nhân thi công trên công trường được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn (như: mũ bảo hiểm, chụp tai...).

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công, đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị để bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị đã quá thời hạn sử dụng.

#### 4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân. Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt.

- Thành lập đội phòng cháy, chữa cháy; xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ; trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (như: bình bột, bình CO<sub>2</sub>,...). Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Dầu Diesel được bảo quản trong khu vực khô ráo, tránh mưa nắng; không xếp các thùng phi đựng nặng lên nhau tránh hiện tượng tràn đổ gây cháy nổ. Khu vực lưu trữ dầu có biển cảnh báo, cấm lửa, cấm cháy.

- Không sử dụng xe quá khổ, quá tải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Treo biển báo hiệu, biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại các nút giao với tuyến đường hiện trạng có mật độ giao thông lớn.

- Phân vùng, vạch tuyến thi công hợp lý. Bố trí các tuyến mương đất thoát nước tạm để dẫn dòng khi thi công hoàn trả các tuyến kênh hiện trạng đảm bảo cung cấp nước tưới cho hoạt động canh tác nông nghiệp, thoát nước khu vực tránh hiện tượng ngập úng vào mùa mưa, thiếu nước, hạn hán vào mùa khô.

## 4.2. Giai đoạn vận hành dự án

### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.2.1.1. Đối với nước mưa chảy tràn

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước của dự án và khu vực xung quanh để đảm bảo tiêu thoát nước.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 và đơn vị vận hành dự án sẽ giám sát bể tự hoại. Khi bể tự hoại đầy, đơn vị vận hành dự án thuê đơn vị vệ sinh có chức năng đến hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

#### 4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sản xuất được thu hồi về trụ sở văn phòng của Công ty truyền tải điện 1 để thải bỏ, bảo trì, sửa chữa hoặc đầu thầu thanh lý.

- Định kỳ đơn vị tiếp nhận, quản lý và vận hành tuyến đường dây sẽ phối hợp với đơn vị làm công tác vệ sinh môi trường tiến hành phát quang thực vật, chặt tỉa cây trồng, bảo dưỡng hành lang an toàn của đường dây. Chất thải rắn phát sinh được đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển đi xử lý theo quy định ngay sau khi phát sinh.

- Tất cả chất thải nguy hại được lưu trữ có bao bì, thùng chứa có dán nhãn, có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại cách biệt. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được xây dựng trong khuôn viên trạm, với diện tích khoảng 10m<sup>2</sup> có mái che và tường chắn. Đơn vị vận hành trạm biến áp có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị chuyên môn (có giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại) để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công tác vận chuyển, xử lý được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần và khi có nhu cầu.

#### 4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy biến áp định kỳ để đảm bảo máy biến áp vận hành đạt chuẩn.

- Vận hành đường dây đúng tải, đúng quy định.

- Vệ sinh chuỗi sứ kết hợp kiểm tra kỹ thuật định kỳ và thay thế kịp thời các chuỗi sứ theo đúng quy định của ngành điện.

#### 4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động; lắp đặt biển báo, biển cảnh báo nguy hiểm tại vị trí thi công, rào chắn tại các vị trí nguy hiểm để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Lắp đặt hệ thống biển báo an toàn lao động, biển chỉ dẫn tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

- Đảm bảo phòng tránh ảnh hưởng điện từ trường:

+ Thực hiện nối đất cho các kết cấu kim loại trong hành lang tiếp địa để phòng tránh điện cảm ứng theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 (hành lang tiếp địa có bề rộng 13m tính từ mép dây dẫn ngoài cùng ra 2 phía);

+ Công tác thiết kế, xây dựng, lắp đặt đường dây tuân theo các quy chuẩn và quy phạm hiện hành;

+ Lắp đặt các biển báo an toàn tại các trụ điện để người dân biết được khoảng cách an toàn khi làm việc gần các trụ điện và đường dây điện;

+ Nghiêm cấm không cho phép xây dựng nhà ở, công trình dưới hành lang an toàn của đường dây;

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hành lang an toàn của đường dây.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư**

### **5.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

#### **\* Giám sát không khí**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực công trường TBA 220kV Lạng Giang.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

#### **\* Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại**

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh hàng tháng, biện pháp và tần suất thu gom, công tác lưu trữ và bàn giao xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: công trường xây dựng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **\* Giám sát tình hình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

- Nội dung giám sát: Các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động thi công xây dựng.
- Vị trí giám sát: công trường xây dựng.

### **5.2. Giai đoạn vận hành dự án**

#### **\* Giám sát chất thải**

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh hàng tháng, biện pháp và tần suất thu gom, công tác lưu trữ và bàn giao xử lý.

- Vị trí giám sát: tại trạm biến áp.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **\* Giám sát điện từ trường**

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (công sân phân phối; nhà điều khiển; khu vực máy biến áp).
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 25:2016/BYT.

- Thực hiện theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực về an toàn điện.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 533/TTr-TNMT ngày 23/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Về việc đổ lớp đất thực vật bên trên nền trạm thuộc công trình  
“Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối”.**

Hôm nay ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại UBND xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm có:

**I. Đại diện UBND xã Cao Thượng:**

- |                         |                                 |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông: Hoàng Văn Chiến | chức vụ: Chủ tịch UBND xã       |
| 2. Bà: Đặng Thị Liễu    | chức vụ: Công chức Địa chính xã |

**II. Đại diện Công ty CP TVXD điện 3:**

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| 1. Ông: Lê Thanh Trọn | chức vụ: Chuyên viên phòng Thiết kế trạm |
|-----------------------|--|

**Nội dung làm việc:**

Căn cứ Văn bản số 25/UBND-CN ngày 27/02/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thỏa thuận vị trí xây dựng Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và hướng tuyến đường dây đầu nối 220kV.

Công trình “TBA 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” đang triển khai việc đầu tư xây dựng nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của tỉnh Bắc Giang, chống quá tải cho lưới điện 110kV, đồng thời giảm tổn thất công suất và điện năng trên lưới điện 110kV của khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Qua kiểm tra xem xét hồ sơ thiết kế do Công ty CP TVXD điện 3 lập, tại TBA 220kV Lạng Giang khi thi công cần bóc lớp đất thực vật bên trên nền trạm đi đổ (khoảng 7800m<sup>3</sup>), UBND xã Cao Thượng thống nhất khu đổ đất tại các khu vực tập kết rác và vật liệu thừa trên địa bàn do UBND xã Cao Thượng quản lý; Vị trí đổ đất cách công trình TBA 220kV Lạng Giang khoảng 3km đến 5km. Đề nghị nhà thầu thi công và các đơn vị liên quan phải lập phương án chi tiết về bóc lớp thực vật vận chuyển đến vị trí đổ đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định, trong quá trình thi công phải có sự tham gia giám sát của UBND xã Cao Thượng.

*Đính kèm các bản vẽ liên quan.*

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ CAO THƯỢNG    ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP TVXD ĐIỆN 3**



*lu*  
**CHỦ TỊCH  
HOÀNG VĂN CHIẾN**

*lu*  
**Lê Thanh Trọn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Về việc hoàn trả kênh mương nội đồng và thoát nước công trình  
“Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối”.**

Hôm nay ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại UBND xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm có:

**I. Đại diện UBND xã Cao Thượng:**

- |                         |                                 |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông: Hoàng Văn Chiến | chức vụ: Chủ tịch UBND xã       |
| 2. Ông: Đặng Thị Liễu   | chức vụ: Công chức Địa chính xã |

**II. Đại diện Công ty CP TVXD điện 3:**

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| 1. Ông: Lê Thanh Trạn | chức vụ: Chuyên viên phòng Thiết kế trạm |
|-----------------------|--|

**Nội dung làm việc:**

Căn cứ Văn bản số 25/UBND-CN ngày 27/02/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thỏa thuận vị trí xây dựng Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và hướng tuyến đường dây đầu nối 220kV.

Công trình “TBA 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” đang triển khai việc đầu tư xây dựng nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của tỉnh Bắc Giang, chống quá tải cho lưới điện 110kV, đồng thời giảm tổn thất công suất và điện năng trên lưới điện 110kV của khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Qua kiểm tra xem xét hồ sơ thiết kế do Công ty CP TVXD điện 3 lập, trong phạm vi xin cấp đất xây dựng TBA 220kV Lạng Giang hiện có một số kênh mương nội đồng nên phải được hoàn trả lại khi thi công xây dựng công trình (san lấp mặt bằng), UBND xã Cao Thượng thống nhất giải pháp thiết kế hoàn trả kênh mương theo các bản vẽ 418037C-NT-XD-01 tờ 1 và 418037C-NT-XD-02 tờ 1&2 đính kèm (xây dựng kênh mới xung quanh trạm và đầu nối với các kênh hiện có). Trong quá trình thi công phải có sự tham gia giám sát của UBND xã Cao Thượng.

*Đính kèm các bản vẽ liên quan.*

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ CAO THƯỢNG    ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP TVXD ĐIỆN 3**



**CHỦ TỊCH  
HOÀNG VĂN CHIẾN**

*Lê Thanh Trạn*

BỘ QUỐC PHÒNG  
BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 1

Số: 569/BTL-TaC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2019

V/v chấp thuận vị trí lắp đặt  
Trạm biến áp 220kV Lạng Giang  
và đường dây 220kV đấu nối.

CTY CP TƯ VẤN XD ĐIỆN 3	
<b>ĐẾN</b>	Số: 875
	Ngày: 25/3/19
Chuyển : .....	

Kính gửi: - Cục Tác chiến/Bộ Tổng tham mưu;  
- T<sup>2</sup> Bộ Tư lệnh (TL, PTL-TMT);  
- Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Nghị định 32/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

Nghiên cứu Công điện số 11 ĐK TgK ngày 19/3/2019 của Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang; Công văn số 0556/TVĐ3-CNMT ngày 05/3/2019 của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 3/Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thỏa thuận hướng tuyến, chiều cao tĩnh không đường dây 220KV đấu nối TBA 220KV Lạng Giang thuộc dự án: "Trạm biến áp 220KV Lạng Giang và đường dây đấu nối";

Qua kiểm tra khảo sát đối chiếu trên thực địa thì dự án hướng tuyến, chiều cao tĩnh không đường dây 220KV đấu nối TBA 220KV Lạng Giang không ảnh hưởng đến thể trận quốc phòng an ninh, các khu quân sự, trận địa phòng không trong khu vực. Đối với Sân bay Kép công trình dự án cách 12 km về hướng thi công; cách danh giới đầu giải bay 4,5km phù hợp với Nghị định 32 quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không.

Bộ Tư lệnh Quân khu 1 nhất trí việc triển khai dự án được nêu tại Công văn số 0556/TVĐ3- CNMT ngày 05/3/2019 của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 3/Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đảm bảo cho địa phương phát triển kinh tế xã hội.

Tuy nhiên trên địa bàn khu vực dự án thi công tình hình bom, mìn và vật liệu nổ sót lại sau chiến tranh còn nhiều. Đặc biệt là địa bàn xã Cao Thượng/Tân Yên/Bắc Giang. Đề nghị Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 3/Tập đoàn Điện lực Việt Nam trước khi triển khai dự án thi công phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của Quân khu 1, các đơn vị đóng quân trên địa bàn và địa phương tổ chức rà phá bom, mìn, vật liệu nổ ngay trong quá trình giải phóng mặt bằng, trước khi triển khai cơ sở hạ tầng của dự án, để bảo đảm an toàn và đúng quy định của Pháp luật. /.

TƯ LỆNH

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 3  
32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.
- Lưu VT, TaC, Nh07.



Trung tướng Trần Hồng Minh